

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HC-PT.

Ngày 18 – 10 - 2018.

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chất.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Huy Hiệu.

Bà Vũ Thị Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Trang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Định Thị Thanh Huế - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 15, 18 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2018/TLPT-HC ngày 30/5/2018 về việc khởi kiện quyết định hành chính của UBND xã CH, huyện Nam Sách. Do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 11/4/2018 của Toà án nhân dân huyện Nam Sách bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXPT-HC ngày 30/8/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐ - PT ngày 27/9/2018 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trần Văn T, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Xóm 4, thôn AĐ, xã CH, huyện NS, tỉnh Hải Dương; (Có mặt).

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã CH, huyện NS, tỉnh Hải Dương;

Địa chỉ: Xã CH, huyện NS, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1970 - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã CH, huyện NS, tỉnh Hải Dương là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã CH ông Mạc Văn T1, theo văn bản ủy quyền ngày 27/3/2017; (Có mặt).

3. Người kháng cáo: Ông Trần Văn T là Người khởi kiện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã CH là Người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện, ông Trần Văn T trình bày:

Ngày 25/01/2017, khi ông đang lái máy cày để cày ruộng nhà bà Nguyễn Thị H thuộc khu ĐN (gần Ủy ban nhân dân (UBND) xã CH, huyện NS) thì

không hiểu lý do tại sao, Công an xã CH yêu cầu ông phải dừng việc cày ruộng, vào UBND xã CH để làm việc. Tại UBND xã CH, ông trình bày đang làm ruộng thuê theo Hợp đồng với bà H. Ông chỉ biết là giữa ông với bà H thỏa thuận cày thuê, còn ruộng đó thuộc quyền sử dụng của ai thì ông không biết và cũng không liên quan. Sau đó, Công an huyện NS đã đưa ông về trụ sở Công an huyện để làm việc.

Ông T không biết UBND xã CH có lập biên bản tạm giữ tang vật là chiếc máy cày bừa hiệu IXEKI TL-2300 màu xanh và phụ tùng hay không. Bản thân ông xác định không nhận được bất kỳ biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện nào. Ông đã nhận được Quyết định số 08(a) ngày 25/01/2017 về việc tạm giữ tang vật là chiếc máy cày của ông từ ngày 25/01/2017 đến ngày 02/02/2017. Sau đó, ông nhận được Quyết định 08(d) ngày 03/02/2017 về việc gia hạn tạm giữ tang vật là chiếc máy cày. Cả hai quyết định đều cho chủ tịch UBND xã CH ông Mạc Văn T1 ký. Ông T xác định không có vi phạm, việc Chủ tịch UBND xã CH, huyện NS tạm giữ máy cày của ông là sai. Đề nghị Tòa án tuyên hủy 02 Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện (cùng số 08) ngày 25/01/2017 và ngày 03/02/2017 của Chủ tịch UBND xã CH; Buộc trả lại phương tiện bị tạm giữ trái pháp luật là chiếc máy cày bừa hiệu IXEKI TL-2300 màu xanh.

Ngày 17/5/2017, TAND huyện Nam Sách thụ lý bổ sung yêu cầu khởi kiện của ông T yêu cầu Chủ tịch UBND xã CH phải bồi thường cho ông số tiền 31.250.000 đồng, vì tạm giữ máy cày bừa của ông không đúng pháp luật, dẫn đến ông không đi cày bừa cho người dân theo hợp đồng đã ký kết vụ chiêm xuân năm 2017. Số tiền trên được tính trên cơ sở ông được Tổ máy cày giao 250 sào của vụ chiêm 2017. Cụ thể, mỗi sào ruộng ông là người trực tiếp lái máy cày được nhận số tiền 125.000 đồng (đã trừ 10.000 đồng trích trả cho việc điều nước, điều hành máy làm đất, nghiệm thu và công thu tiền máy làm đất trong dân). Ngoài ra, ông T xác định khi UBND xã CH tiến hành thủ tục tạm giữ máy cày bừa đã không lập biên bản về việc thu giữ những phụ tùng của ông. Hiện nay, những phụ tùng kèm theo máy đã mất, vì vậy ông T đề nghị Tòa án buộc Chủ tịch UBND xã CH phải bồi thường cho ông trị giá số phụ tùng đã mất, bao gồm 01 kích giá trị 350.000đồng, 01 bơm mỡ 360.000đồng, 07 dao phay đất 490.000đồng, 01 T tháo ốc láp 100.000đồng, 01 mỏ lết QP 375mm 160.000đồng. Tổng giá trị phụ tùng yêu cầu bồi thường là 1.460.000đồng. Những phụ tùng trên ông T mua cũ tại tỉnh Bắc Ninh, không có giấy tờ mua bán, không rõ địa chỉ cụ thể. Đồng thời, ông T đề nghị Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, giám định kỹ thuật để xác định tỷ lệ hư hại của phương tiện và định giá tài sản đối với máy cày làm căn cứ bồi thường thiệt hại.

Ngày 16/10/2017, ông Trần Văn T tiếp tục có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án buộc Chủ tịch UBND xã CH phải bồi thường thiệt hại do bị giữ máy cày, không thể đưa vào sản xuất, mất khoản thu nhập của 02 vụ cày bừa tiếp

theo (vụ mùa năm 2017, vụ đông năm 2017). Mỗi vụ là 31.250.000đ, tổng 2 vụ là 62.500.000đ (đã trừ 10.000 đồng trích trả cho việc điều nước, điều hành máy làm đất, nghiệm thu và công thu tiền máy làm đất trong dân). Số tiền trên được tính trên cơ sở số ruộng ông được Tổ máy cày giao vụ đầu tiên là 250 sào.

Ngày 02/02/2018, ông Trần Văn T tiếp tục có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án buộc Chủ tịch UBND xã CH phải bồi thường thiệt hại do bị giữ máy cày, không thể đưa vào sản xuất, mất khoản thu nhập của 01 vụ cày bừa tiếp theo (vụ chiêm xuân 2018) là 31.250.000đ. Số tiền trên được tính trên cơ sở số ruộng ông được Tổ máy cày giao vụ đầu tiên là 250 sào. Tổng số tiền ông T yêu cầu Chủ tịch UBND xã CH, huyện NS phải bồi thường là 126.460.000 đồng.

Người khởi kiện ông Trần Văn T xác định chưa nhận được Quyết định xử lý vi phạm hành chính số 15 ngày 24/02/2017, Quyết định số 07 ngày 27/02/2017 của Chủ tịch UBND xã CH về việc trả lại tang vật vi phạm là chiếc máy cày. Ông T xác định chỉ được nghe trên loa truyền thanh của xã là ông vi phạm hành chính đánh người, nên bị xử phạt 4.000.000 đồng, khi đó ông đang ở nhà, nghe không được rõ vì loa đọc không rõ. Ông T trình bày cả hai Quyết định nêu trên đều đề ngày ban hành từ rất lâu, nhưng thực tế không giao cho ông. Ngoài ra, biên bản vi phạm hành chính và tất cả các biên bản khác có trong hồ sơ vụ án, do UBND xã CH ban hành cũng được tạo lập mang tính ngụy tạo, lập sau thời điểm xảy ra sự việc, ông T không được biết, không được nghe, đọc, ký tên,... Các tài liệu đó là ngụy tạo, giả mạo nhằm chạy lỏi trong tố tụng và hành chính.

Người bị kiện trình bày:

Năm 2015, thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 24/9/2013 của BCH Đảng bộ tỉnh Hải Dương; kế hoạch số 1704/KH-UBND ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Hải Dương “về việc thực hiện dồn điền đổi thửa, gắn với chỉnh trang đồng ruộng trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2013-2015”; căn cứ Nghị quyết số 63-NQ/ĐU ngày 01/3/2014 về lãnh đạo triển khai dồn điền đổi thửa gắn với chỉnh trang đồng ruộng của xã CH giai đoạn năm 2013-2015, thôn AĐ đã tổ chức thực hiện các văn bản trên và tiến hành giao ruộng cho nhân dân trong đó có hộ gia đình ông Nguyễn Đức C1 tại xóm 4, khu vực X, AĐ, CH, NS, Hải Dương được giao sử dụng 1150m² đất nông nghiệp tại xứ đồng ĐN (gần UBND xã). Gia đình ông C1 đã nhận ruộng được giao, tiến hành canh tác từ năm 2015-2016. Vào hồi 7 giờ 30 phút ngày 25/01/2017, Công an xã CH nhận được tin báo của ông C1 về việc ông Trần Văn T có hành vi xâm phạm quyền sử dụng tài sản, chiếm đoạt ruộng của gia đình ông C1. Cụ thể, bà Nguyễn Thị H tổ chức con trai là anh H1 kết hợp với ông Trần Văn T người cùng xóm dùng máy bơm nước vào ruộng, ông Trần Văn T dùng máy cày để lũng đất nhằm chiếm đoạt ruộng của gia đình ông C1. Công an xã đã ra hiện trường, yêu cầu anh H1 và ông T dừng hành vi, về UBND xã để làm việc nhưng

anh H1 và ông T không chấp hành, có lời nói chửi bới, xúc phạm cán bộ địa phương và lực lượng công an đang làm nhiệm vụ. Ông T và anh H1 dùng tay bóp cổ đồng chí Hoàng Đức T2 - Phó công an xã CH, nên đồng chí T2 phải đến Trạm y tế khám và điều trị. Sau đó, ông T và anh H1 vẫn cố tình cản trở, hành hung, chửi bới lực lượng Công an đang làm nhiệm vụ, thách thức, không chấp hành yêu cầu của Công an xã. Chủ tịch UBND xã đã yêu cầu anh H1, ông T về UBND xã để làm việc. Để có căn cứ xem xét hành vi vi phạm của anh H1 và ông T, đảm bảo cho việc thi hành các quyết định giải quyết vụ việc tiếp theo. Căn cứ điểm a, b, c khoản 1 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính, Chủ tịch UBND xã CH đã áp dụng biện pháp ngăn chặn hành chính ban hành Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện số 08(a) đối với chiếc máy cày của ông T thời hạn tạm giữ là 07 ngày kể từ ngày 25/01/2017. Việc tạm giữ phương tiện đã được Công an xã tiến hành lập biên bản tạm giữ theo đúng quy định tại khoản 9 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính, ông T không ký nhận biên bản nhưng đã có người chứng kiến ký xác nhận. Do quá trình điều tra ông T cố tình không hợp tác, vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp cần có thêm thời gian để xác minh nên Chủ tịch UBND xã CH đã gia hạn tạm giữ đối với chiếc máy cày bằng Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện số 08(d) ngày 03/2/2017, thời hạn tạm giữ là 23 ngày kể từ ngày 03/2/2017.

Quá trình xác minh đã làm rõ được hành vi vi phạm của ông T, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 15, điểm b khoản 2 Điều 20 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, Chủ tịch UBND xã CH ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trần Văn T tại Quyết định số 15/QĐ-XPHC ngày 24/02/2017 bằng hình thức phạt tiền 4.000.000đ. Tuy nhiên, đến nay ông T vẫn chưa chấp hành Quyết định xử phạt. Vì vậy, Chủ tịch UBND xã CH không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Chủ tịch UBND xã CH ban hành 02 Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện (cùng số 08) ngày 25/01/2017 và ngày 03/02/2017 là hoàn toàn đúng pháp luật. Hơn nữa, ngay sau khi hết thời hạn tạm giữ đối với chiếc máy cày, Chủ tịch UBND xã CH đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 15/QĐ-XPHC ngày 24/02/2017, Quyết định trả lại tang vật vi phạm số 07/QĐ-TLTVPTGPCC ngày 28/02/2017 đối với ông T. Sau khi ban hành các quyết định trên, UBND xã đã nhiều lần cử người xuống giao các quyết định trên cho ông T, nhưng ông T không nhận. Việc ông T không nhận các quyết định trên đã được lập biên bản có sự chứng kiến của ông Nghiêm Đình L – Phó thôn AĐ, xã CH. Sau đó, Chủ tịch UBND xã CH đã có Thông báo số 09 ngày 01/3/2017 về việc xử lý vi phạm hành chính và trả lại máy cày cho ông Trần Văn T. Đài truyền thanh xã thực hiện truyền thanh nội dung Thông báo số 09 trên toàn địa bàn xã CH trong 03 ngày, từ ngày 01/3/2017 đến ngày 03/3/2017.

Chủ tịch UBND xã CH không đồng ý với yêu cầu của ông T về việc bồi thường thiệt hại do máy cày bị tạm giữ không thể làm đất cho dân trong 04 vụ là: $31.250.000\text{đồng} \times 4 \text{ vụ} = 125.000.000\text{đồng}$, vì Chủ tịch UBND xã CH ra Quyết định tạm giữ là đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật. Hành vi của ông T là hành vi tổ chức lực lượng cùng với anh H1 cố ý vi phạm pháp luật. Sau khi ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 24/02/2017, gia đình ông C1 đã tổ chức canh tác và gieo cấy thửa ruộng xong, các tình tiết xác minh đã có đủ căn cứ, ông T không thể sử dụng máy cày để tiếp tục gây hậu quả, không cần áp dụng biện pháp ngăn chặn hành vi vi phạm đối với ông Trần Văn T. Vì vậy, ngày 28/02/2017, Chủ tịch UBND xã đã ban hành Quyết định trả lại tang vật vi phạm số 07/QĐ-TLTVPTGPCC trả lại chiếc máy cày cho ông T, nhưng ông T không nhận Quyết định trả lại phương tiện và cũng không đến nhận chiếc máy cày, nên việc yêu cầu bồi thường của ông T là không có căn cứ.

Đối với yêu cầu của ông T buộc Chủ tịch UBND xã CH bồi thường số phụ tùng bị tạm giữ theo máy là 1.460.000đồng, gồm: 01 kích trị giá 350.000đồng, 01 bơm mỡ trị giá 350.000đồng, 07 dao phay trị giá 490.000đồng, 01 T trị giá 100.000đồng, 01 mỏ nết QP 375mm trị giá 160.000đồng. UBND xã CH không tiến hành tạm giữ đối với các phụ tùng như ông T kê khai, UBND xã CH chỉ tạm giữ đối với 01 chiếc máy cày màu xanh nhãn hiệu TL-2300, ngoài ra tại buổi làm việc ngày 25/01/2017, tại UBND xã CH ông T không kê khai về những phụ tùng trên; khi tiến hành lập biên bản về việc tạm giữ đối với chiếc máy cày thì ông T đã tự xem lại, tự đọc lại nội dung biên bản tạm giữ đối với chiếc máy cày nhưng không có ý kiến gì, cũng không nhận văn bản.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 11/4/2018 áp dụng: Các Điều 6, 30, 31, 116, 164, khoản 1 Điều 348, 358, 359 Luật tổ tụng hành chính; Các Điều 3, 13, 38, 57, 58, 59, 60, 66, 68, 125, 126 Luật xử lý vi phạm hành chính; điểm b khoản 2 Điều 20, Điều 67 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ; Luật phí và lệ phí; khoản 4 Điều 26, khoản 2, 6, 7 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 08(a)/QĐ-TGTVPTGPCC ngày 25/01/2017 và Quyết định số 08(d)/QĐ-TGTVPTGPCC ngày 03/02/2017 của Chủ tịch UBND xã CH.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T: Hủy một phần Quyết định số 15/QĐ-XPHC ngày 24/02/2017 của Chủ tịch UBND xã CH đối với nội dung xử phạt Trần Văn T theo điểm b khoản 1 Điều 15 Nghị định 167 ngày 12/11/2013, mức phạt 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng và áp dụng biện pháp ngăn chặn là tạm giữ tang vật vi phạm.

3. Giữ nguyên Quyết định 07/QĐ-TLTVPTGPCC ngày 28/02/2017 của Chủ tịch UBND xã CH về việc trả lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

là chiếc máy cày bừa TL-2300 màu xanh cho ông Trần Văn T. Ông T liên hệ với UBND xã CH để nhận lại máy cày nhãn hiệu IXEKI TL-2300.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T: Buộc Chủ tịch UBND xã CH phải bồi thường thiệt hại cho ông Trần Văn T do tạm giữ máy cày trái pháp luật từ ngày 25/01/2017 đến ngày 28/02/2018 là 19.872.000 (*Mười chín triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn*) đồng và giá trị máy bị giảm sút là 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng (tiền ác quy).

5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T buộc Chủ tịch UBND xã CH phải bồi thường: Số tiền 58.000.000 (*Năm mươi tám nghìn*) đồng tiền bảo trì, bảo dưỡng; số tiền 90.128.000 (*Chín mươi triệu một trăm hai mươi tám nghìn*) đồng tiền thiệt hại do không đi cày theo hợp đồng và số tiền dụng cụ kèm theo máy là 1.460.000 (*Một triệu bốn trăm sáu mươi nghìn*) đồng. Tổng số tiền không được chấp nhận 149.588.000 (*Một trăm bốn mươi chín triệu năm trăm tám mươi tám nghìn*) đồng.

6. Không chấp nhận yêu cầu của ông T về việc hủy Biên bản vi phạm hành chính về an ninh trật tự, an toàn xã hội số 01/BB-VPHC ngày 25/01/2017; Biên bản tạm giữ, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính số 01/BB-TGTVPTGPCC ngày 25/01/2017; Biên bản vi phạm hành chính số 05/BB-VPHC ngày 21/02/2017; Thông báo số 09/TB-UB ngày 01/3/2017.

7. Buộc Chủ tịch UBND xã CH trả ông Trần Văn T số tiền 1.000.000 (*Một triệu*) đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Hoàn trả ông T số tiền 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng tạm ứng chi phí thẩm định tại chỗ, ông T liên hệ với TAND huyện Nam Sách để nhận lại số tiền 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 14/4/2018 Chủ tịch UBND xã CH kháng cáo không chấp nhận bản án sơ thẩm cụ thể những nội dung cơ bản sau:

+ Không chấp nhận nội dung tuyên Chủ tịch UBND xã CH đã ra Quyết định tạm giữ không đúng thẩm quyền, không định giá tang vật.

+ Không chấp nhận hủy một phần quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 15.

+ Không chấp nhận việc bồi thường tiền cho ông T và chịu án phí.

- Ngày 23/4/2018 ông Trần Văn T kháng cáo bản án những nội dung sau:

+ Tuyên hủy các văn bản do Chủ tịch UBND xã CH ban hành trái pháp luật: 02 Quyết định tạm giữ tang vật; các Biên bản vi phạm hành chính, biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện; Quyết định xử phạt hành chính số 15; Quyết định trả lại tang vật, phương tiện bị tạm giữ số 07; Thông báo số 09 về việc xử lý vi phạm của ông T.

+ Buộc Chủ tịch UBND xã CH trả lại phương tiện bị tạm giữ trái luật là chiếc máy cày và bồi thường thiệt hại số tiền tổng 171.460.000đ

+ Chuyển hồ sơ yêu cầu UBND huyện NS xem xét, xử lý kỷ luật Chủ tịch UBND xã CH và người liên quan theo Luật cán bộ công chức, viên chức.

Tại phiên tòa,

- Người khởi kiện là ông Trần Văn T, giữ nguyên nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án chấp nhận kháng cáo của ông.

- Người bị kiện là Chủ tịch UBND xã CH giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo của Người khởi kiện.

- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định Luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý đến trước khi nghị án; Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX, chấp nhận 1 phần kháng cáo của người khởi kiện, hủy các Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện số 08(a), 08(d), Quyết định số 15 về xử phạt vi phạm hành chính, buộc Chủ tịch UBND xã CH phải bồi thường cho ông T số tiền tương ứng với thời gian tạm giữ chiếc máy cày trái pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Ngày 17/2/2017, ông T gửi đơn khởi kiện đối với 02 Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện số 08(a) ngày 25/01/2017 và Quyết định gia hạn tạm giữ tang vật, phương tiện số 08(d) ngày 03/02/2017 đều do Chủ tịch UBND xã CH ban hành đến Tòa án nhân dân huyện Nam Sách. Căn cứ Điều 30, 31 và 116 LTTHC thì ông T khởi kiện nằm trong thời hiệu và Tòa án nhân dân huyện Nam Sách thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Kháng cáo của Người khởi kiện và Người bị kiện trong thời hạn theo quy định tại Điều 206 Luật tố tụng hành chính nên kháng cáo là hợp lệ và được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xem xét nội dung kháng cáo của ông Trần Văn T.

[2.1]. Đối với yêu cầu hủy 2 Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện số 08(a) và 08(d) của Chủ tịch UBND xã CH, thấy rằng: Vào hồi 7 giờ 30 phút ngày 25/01/2017, ông T cùng với anh H1 có hành vi dùng máy cày, máy bơm, ra cày và bơm nước vào ruộng nhà ông C1. Lực lượng Công an xã CH đến ngăn chặn thì ông T, anh H1 có hành vi chống đối, tiếp tục cày và bơm nước vào ruộng nhằm mục đích chiếm đất của nhà ông C1. Để ngăn chặn hành vi vi phạm cũng như phục vụ việc lập hồ sơ xử lý hành chính, Chủ tịch UBND xã CH, huyện NS đã ra Quyết định số 08(a) tạm giữ chiếc máy cày của ông T. Do tính

chất phức tạp của vụ việc nên ngày 3/02/2017, Chủ tịch xã CH tiếp tục ban hành Quyết định số 08(d) gia hạn tạm giữ chiếc máy cày để phục vụ cho việc xử phạt vi phạm hành chính. Quyết định tạm giữ chiếc máy cày do Chủ tịch UBND xã CH ký; thời hạn tạm giữ từ ngày 25/01/2017 đến ngày 26/02/2017; khi tạm giữ chiếc máy cày đã lập Biên bản có đầy đủ chữ ký của người lập, Người làm chứng, và sự có mặt của người vi phạm, tuy nhiên không ký vào biên bản. Như vậy căn cứ vào quy định tại điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính thì Chủ tịch UBND xã CH ban hành 2 Quyết định tạm giữ số 08(a), số 08(d) ngày 25/01/2017 và ngày 3/02/2017 là có căn cứ, đúng trình tự thủ tục và đúng thẩm quyền. Ông T kháng cáo đề nghị hủy 2 Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện trên là không có cơ sở chấp nhận. Bản án sơ thẩm xác định Chủ tịch UBND xã CH không có quyền ra Quyết định tạm giữ chiếc máy cày của ông T, vì cho rằng Chủ tịch cấp xã chỉ có quyền tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 5 triệu đồng là hiểu chưa đầy đủ quy định tại điều 38 và điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính, đồng nhất thẩm quyền của Chủ tịch cấp xã trong việc xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức tịch thu tang vật, phương tiện với thẩm quyền của Chủ tịch cấp xã trong việc tạm giữ, tang vật phương tiện để ngăn chặn hành vi vi phạm hành chính. Bản án sơ thẩm còn nhận định phải tiến hành định giá tang vật, phương tiện là chiếc máy cày là chưa chính xác, vì điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định chỉ định giá tang vật, phương tiện để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt chứ không phải vụ việc hành chính nào cũng phải định giá tang vật, phương tiện. Trong vụ án này không cần xác định khung tiền phạt và không tịch thu tang vật, phương tiện nên không phải định giá là đúng quy định.

[2.2]. Đối với Quyết định xử phạt hành chính số 15/QĐ-XPHC ngày 24/02/2017 của Chủ tịch UBND xã CH thấy rằng: Trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định cơ bản đúng quy định tại điều 57, điều 58, điều 59, điều 67 và điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính; Về nội dung của Quyết định, xử phạt ông Trần Văn T về 2 hành vi vi phạm hành chính là có căn cứ. Tuy nhiên đối với hành vi ông T dùng máy cày ra cày ruộng của người khác khi biết rõ thửa ruộng không phải là của gia đình bà H mà là ruộng của ông C1, nhưng ông T vẫn đưa máy ra cày do bà H thuê là có hành vi giúp sức cho bà H chiếm đất của ông C1. Nhưng Chủ tịch UBND xã CH lại xử phạt ông T về hành vi Công nhiên chiếm đoạt tài sản là không đúng mà phải là hành vi chiếm đất theo quy định tại điều 10 Nghị định 102/2014 ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Nội dung của Quyết định còn ghi tạm giữ tang vật vi phạm hành chính đó là chiếc máy cày của ông T là không đúng quy định tại điểm h khoản 1 điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính mà phải ra quyết định hủy bỏ và trả lại chiếc máy cày cho ông T. Nội dung của quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 15 của Chủ tịch UBND xã CH về

phần này là không đúng pháp luật, cần tuyên hủy, kháng cáo của ông T về nội dung này được chấp nhận 1 phần như Bản án sơ thẩm đã quyết định.

[2.3]. Đối với quyết định trả lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính số 07/QĐ-TLTCPTGPCC ngày 28/02/2017 và Thông báo số 09/TB-UB ngày 01/3/2017 của Chủ tịch UBND xã CH thấy rằng: Theo quy định tại điều 121 Luật xử lý vi phạm hành chính thì người ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính nếu biện pháp đó không còn cần thiết hoặc không còn phù hợp nữa thì phải hủy bỏ hoặc thay đổi và trả lại cho người vi phạm. Theo quy định này thì Chủ tịch UBND xã CH ra Quyết định trả lại chiếc máy cày cho ông T khi không cần thiết phải tạm giữ là phù hợp và đúng thẩm quyền. Tuy nhiên ra quyết định trả lại chiếc máy cày cho ông T chậm mất 3 ngày so với thời hạn quy định tại khoản 8 điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính. Việc ra chậm này không ảnh hưởng gì đến nội dung của quyết định, cho nên quyết định số 07 của Chủ tịch xã Công Hòa là đúng quy định của pháp luật. Vì ông T không nhận các Quyết định hành chính, trong đó có Quyết định số 07 cho nên Chủ tịch xã CH phải ra thông báo số 09 và Đăng tin trên phương tiện loa truyền thanh của xã và thôn để ông T và mọi người cùng biết, mục đích để ông T sớm đến nhận chiếc máy cày của mình. Như vậy việc thông báo là đúng quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính. Quyết định số 07 và số Thông báo số 09 của Chủ tịch UBND xã CH là đúng quy định nên không có căn cứ hủy, giữ nguyên như bản án sơ thẩm. Kháng cáo của ông T về nội dung này không được chấp nhận.

[2.4]. Đối với các Biên bản hành chính được lập trong quá trình tiến hành xử phạt vi phạm hành chính, đây không phải là quyết định hành chính nên không thuộc đối tượng khởi kiện nên yêu cầu hủy các biên bản này của ông T không được chấp nhận.

[2.5]. Đối với yêu cầu bồi thường của ông T, vì Quyết định tạm giữ của Chủ tịch UBND xã CH đúng quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu bồi thường của ông T và ông T phải chịu tiền chi phí tố tụng và tiền án phí theo luật định. Bản án sơ thẩm xác định 2 quyết định tạm giữ số 08(a) và 08(d) của Chủ tịch xã CH ban hành là trái pháp luật nên phải bồi thường cho ông T tương ứng với thời gian tạm giữ là không có căn cứ như đã phân tích ở trên, cần sửa bản án sơ thẩm về phần bồi thường.

[2.6] Đối với yêu cầu chuyển hồ sơ cho UBND huyện NS xem xét, xử lý kỷ luật Chủ tịch UBND xã CH và người liên quan. Đây không phải là đối tượng khởi kiện của luật tố tụng hành chính nên Tòa án không xem xét.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của Chủ tịch UBND xã CH, thấy rằng: Về nội dung không nhất trí với bản án sơ thẩm xác định 2 Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện số 08(a), số 08(d) ngày 25/01/2017 và ngày 3/02/2017 của Chủ tịch UBND xã CH là trái pháp luật. Như đã phân tích ở trên thì nội dung kháng cáo này được chấp nhận; Về nội dung không nhất trí hủy 1 phần Quyết định xử

phạt vi phạm hành chính số 15/QĐ-XPHC ngày 24/02/2017, như đã phân tích ở phần trên nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND xã CH; Đối với nội dung không nhất trí về bồi thường cho ông T và phải chịu án phí, chi phí tố tụng, phần kháng cáo này được chấp nhận, như đã phân tích ở trên.

[4]. Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận 1 phần kháng cáo của ông T về hủy 1 phần Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 15/QĐ-XPHC; chấp nhận 1 phần kháng cáo của Chủ tịch UBND xã CH về không chấp nhận hủy 2 Quyết định tạm giữ số 08(a), 08(d) và không nhất trí bồi thường cho ông T; Còn các nội dung kháng cáo khác của đương sự không chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm.

[5]. Về án phí: Kháng cáo của người khởi kiện, người bị kiện được chấp nhận 1 phần và sửa bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí Hành chính phúc thẩm, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông T phải chịu tiền chi phí cho việc thẩm định tại chỗ và tiền án phí hành chính sơ thẩm, tiền án phí dân sự kèm theo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 30, 31, 116, Điều 241, 349 Luật tổ tụng hành chính; Điều 3, 38, 66, 125 Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận 1 phần kháng cáo của ông Trần Văn T, 1 phần kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã CH, sửa bản án sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 11/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T về việc hủy hai Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện số 08(a) ngày 25/01/2017 và số 08(d) ngày 3/02/2017 của Chủ tịch UBND xã CH; Quyết định trả lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính số 07/QĐ-TLTVPTGPCC ngày 28/02/2017; Thông báo số 09/TB-UB ngày 01/3/2017 của Chủ tịch UBND xã CH về xử lý vi phạm hành chính và các Biên bản hành chính trong quá trình lập hồ sơ để tiến hành xử phạt vi phạm hành chính.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T, Hủy 1 phần Quyết định số 15/QĐ-XPHC ngày 24/02/2017 của Chủ tịch UBND xã CH đối với nội dung xử phạt ông Trần Văn T theo điểm b khoản 1 điều 15 Nghị định 167 ngày 12/11/2013, mức phạt 1.500.000đ và áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ tang vật vi phạm hành chính.

3. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường của ông Trần Văn T đối với Chủ tịch UBND xã CH về toàn bộ các khoản mà ông yêu cầu với tổng số tiền là 171.460.000đ.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Văn T phải chịu 1.000.000đ tiền chi phí thẩm định tại chỗ, được đối trừ vào số tiền 3.000.000đ ông đã tạm ứng, ông có trách nhiệm liên hệ với Tòa án nhân dân huyện Nam Sách để nhận lại số tiền còn thừa. Chủ tịch UBND xã Công Hòa không phải chịu tiền chi phí tố tụng.

5. Về án phí:

- Án phí phúc thẩm: Ông Trần Văn T, Chủ tịch UBND xã CH không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2016/0002219 ngày 02/5/2018 và Chủ tịch UBND xã CH đã nộp tạm ứng 300.000đ theo Biên lai số AA/2016/0002217 ngày 27/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Sách.

- Án phí sơ thẩm: Ông Trần Văn T phải chịu án phí sơ thẩm hành chính là 300.000đ mà ông đã nộp tại Biên lai thu tiền số AB/2014/00849 ngày 04/4/2017 của Chi cục THADS huyện Nam Sách và 8.573.000đ tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Chủ tịch UBND Xã CH không phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (18/10/2018).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Nam Sách;
- VKSND huyện Nam Sách;
- Các đương sự;
- Cơ quan THADS huyện Nam Sách;
- UBND huyện Nam Sách;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chát